

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 389/2025/HS-PT

Ngày 29/9/2025

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham
gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 668/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị H và các bị cáo khác phạm tội “Giả mạo trong công tác”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Thị H, tên gọi khác: Không; sinh năm 1983; trú tại: số nhà N, khu đô thị V, phường H, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Hiệu trưởng Trường T6; là đảng viên Đ1 đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 1111-QĐ/HU ngày 25/12/2023 của Huyện ủy huyện T; con ông Lê Doãn L và bà Tạ Thị T; chồng là Lê Xuân D; có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn H1, tên gọi khác: Không; sinh năm 1985; trú tại: thôn P, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Phó hiệu trưởng Trường T6; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 1650-QĐ/HU ngày 13/8/2024 của Huyện ủy huyện T; con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị V; vợ là Hoàng Thị N1; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

có mặt.

3. Ngô Văn G, tên gọi khác: Không; sinh năm 1984; trú tại: khu phố T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa (trước đây là khu phố T, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Phó trưởng phòng đào tạo Trường T6; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 1651-QĐ/HU ngày 13/8/2024 của Huyện ủy huyện T; con ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị H2; vợ là Đỗ Thúy H3; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường T6 được thành lập theo Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh T, được Cục Đ2 cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô năm 2009, Hiệu trưởng là Lê Thị H. H đã đưa ra chủ trương tuyển dụng giáo viên nhà trường: Đối với những người chưa có đủ các văn bằng, chứng chỉ để làm giáo viên dạy lái xe thì trường vẫn tuyển dụng và bố trí cho đi học, đi thi để hoàn thiện các văn bằng, chứng chỉ theo quy định; chi phí việc học, thi nhà trường sẽ hỗ trợ cho người học. Sau khi các cá nhân nêu trên được cấp văn bằng, chứng chỉ đủ điều kiện dạy lái xe, trường hợp người lao động tiếp tục có nhu cầu làm giáo viên, nhà trường ký hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng. Trường hợp người lao động không còn có nhu cầu làm giáo viên thì nhà trường sẽ lưu trữ hồ sơ của họ tại phòng Hành chính.

Năm 2021, do có nhu cầu đào tạo thêm hạng xe B1 số tự động, H chỉ đạo Phạm Văn H1 - Phó Hiệu trưởng lập tờ trình xin điều chỉnh hạng xe đào tạo số 245/TTr-TCNHD ngày 04/8/2021 và lập danh sách 08 người không phải giáo viên của trường vào Báo cáo đề nghị xin điều chỉnh hạng xe đào tạo số 246/BC-TCNHD ngày 04/8/2021, H ký đề nghị Sở G1 cấp giấy phép đào tạo với lưu lượng không quá 1.000 học viên.

Trong nội dung Báo cáo số 246/BC-TCNHD có 08 cá nhân gồm: Nguyễn Văn H4, Vũ Văn T1, Nguyễn Tiến D1, Bùi Văn H5, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn H6, Ngô Quang T2, Phạm Văn Q không phải là giáo viên của T3 (giáo viên không) nhưng vẫn lập vào danh sách để báo cáo Sở G1. Những người này trước đây từng dạy lái xe ở trường, nhưng đã nghỉ việc từ trước năm 2021 hoặc trước đây đã nộp hồ sơ đăng ký xin làm giáo viên dạy lái xe ở trường và hoàn thành lớp tập huấn được Sở G1 cấp chứng nhận đủ điều kiện dạy thực hành lái xe, nhưng sau đó không có nhu cầu làm giáo viên dạy lái xe nên không ký hợp đồng và không làm

việc tại trường.

Khi lập báo cáo, Phạm Văn H1 biết 08 người thực tế không phải là giáo viên dạy lái xe ô tô của trường, H1 báo cáo H, H đã chỉ đạo H1 “đưa hết tất cả những người được cấp chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe vào trong danh sách trích ngang giáo viên trong báo cáo điều chỉnh hạng xe đào tạo, trong đó có những người là giáo viên dạy thực hành lái xe của trường và những người không phải giáo viên của trường”. Danh sách thông tin 08 người không phải giáo viên của trường và danh sách trích ngang các giáo viên của trường do Ngô Văn G - Phó Trưởng phòng Đào tạo cung cấp cho H1 theo yêu cầu của H1.

Ngày 10/8/2021 Sở G2 Quyết định số 789/QĐ-SGTVT về việc thành lập Đoàn kiểm tra xét điều chỉnh hạng xe đào tạo lái xe ô tô và thực hiện kiểm tra xét điều chỉnh hạng xe đào tạo lái xe ô tô cho trường. Trên cơ sở tờ trình, báo cáo của trường và kết quả kiểm tra ngày 11/8/2021 của Đoàn kiểm tra, ngày 13/8/2021 Giám đốc Sở G1 đã cấp giấy phép đào tạo số 3831/SGTVT-QLPT&NL cho trường với lưu lượng đào tạo không quá 1.000 học viên, hạng xe đào tạo là B1 số tự động, B1, B2 và C.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe quy định: “Điều kiện về giáo viên: ... 2. Đảm bảo có ít nhất một giáo viên dạy thực hành lái xe trên 01 xe tập lái”. Theo quy định trên, một giáo viên dạy thực hành lái xe chỉ đảm nhận được 01 xe trong cả quá trình đào tạo một khóa học lái xe (số học viên quy định trên 01 xe tập lái: hạng B1, B2 là 5 học viên, hạng C là 8 học viên).

Từ năm 2022 đến đầu năm 2023 khi số học viên đến trường đăng ký học lái xe tăng cao, nhưng số lượng giáo viên dạy thực hành lái xe của T3 không đủ để đăng ký mở lớp, trong khi những người giáo viên dạy thực hành lái xe của trường lại có thời gian nhàn rỗi. Vì mục đích muốn đáp ứng đủ điều kiện mở lớp đào tạo, sát hạch lái xe đối với số lượng học viên đến đăng ký học tại trường, tăng thêm số lượng học viên học lái xe, tăng thêm nguồn thu cho trường, tạo công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho các giáo viên hiện có của trường (bằng cách sử dụng các giáo viên hiện có của trường bố trí dạy thay vào các lớp của những người không phải giáo viên đứng trong đăng ký mở lớp). H đã trao đổi mục đích trên với H1 và G. Sau đó H chỉ đạo G lập thêm 08 người không phải giáo viên của trường vào danh sách các giáo viên dạy lái xe của trường trong báo cáo đăng ký sát hạch lái xe để H, H1 ký gửi Sở G1 duyệt cho mở lớp đào tạo lái xe ô tô.

Quá trình thực hiện, G biết 08 người trên không phải là giáo viên dạy thực hành lái xe của trường nhưng vẫn thực hiện. G đã sử dụng máy tính để bàn do nhà trường cung cấp để thực hiện soạn thảo lập các báo cáo đăng ký sát hạch lái xe (trong báo cáo gồm có: Tờ bìa báo cáo, danh sách học viên học lái xe, kế hoạch

đào tạo lái xe, lịch học toàn khóa, thời khóa biểu). Sau khi soạn thảo, G in ra trình trực tiếp H. Những khi H đi vắng không có ở trường thì G trình H1 ký duyệt theo ý kiến chỉ đạo của H. Từ năm 2022 đến đầu năm 2023, G đã thực hiện lập 08 người không phải giáo viên của trường vào các báo cáo đăng ký sát hạch lái xe như sau: Vũ Văn T1 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 259, khóa 260, khóa 265, khóa 269, khóa 272; khóa 274. Nguyễn Tiến D1 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 259, khóa 264, khóa 267, khóa 270, khóa 273, lớp hạng C khóa 150. Phạm Văn Q làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B1.1 khóa 05, khóa 06, khóa 07, khóa 08, khóa 09, khóa 10, dạy lý thuyết lớp C khóa 147, khóa 148. Nguyễn Văn Đ làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B1.1 khóa 04, khóa 05, khóa 06, khóa 07, khóa 08, khóa 09, khóa 10. Nguyễn Văn H4 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 257, khóa 261, khóa 266, khóa 268, khóa 271, khóa 275. Bùi Văn H5 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 265, khóa 260, khóa 258. Lê Văn H6 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 272, khóa 269, khóa 264, khóa 259, khóa 256, lớp hạng C khóa 149. Ngô Quang T2 làm giáo viên dạy thực hành lái xe lớp B2 khóa 258, khóa 260, khóa 265, khóa 269.

Trong đó, G trực tiếp lập 31 báo cáo đăng ký sát hạch lái xe có các giáo viên không gửi Sở G1. H ký duyệt 08 báo cáo, H chỉ đạo H1 ký duyệt 23 báo cáo và được thực hiện vào nhiều thời điểm khác nhau.

Sở G1 duyệt mở lớp đào tạo lái xe cho trường theo hình thức: Khi trường gửi báo cáo đăng ký sát hạch lái xe đến Sở, Sở kiểm tra nếu đồng ý thì sẽ không có phản hồi, còn trường hợp không duyệt cho mở lớp sẽ có phản hồi cho trường. Trên cơ sở báo cáo của nhà trường, Sở G1 đã duyệt cho việc mở lớp đào tạo lái xe ô tô của trường.

Tổng có 31 báo cáo đăng ký sát hạch lái xe trường đã lập những người không phải giáo viên của trường vào báo cáo. Số tổ của các lớp đào tạo lái xe do 08 người không phải giáo viên của trường đứng tên để đăng ký mở lớp đào tạo là 47 tổ, với tổng số 247 học viên. Học viên các lớp do 08 giáo viên không đứng tên đăng ký mở lớp, H chỉ đạo Chu Đình T4 - Trưởng phòng Đào tạo sắp xếp bố trí học lái xe ghép vào các lớp khác cùng khóa hoặc bố trí giáo viên khác của trường dạy thay đảm bảo chương trình đào tạo lái xe. Tổng số tiền học phí đào tạo lái xe trường thu được từ 247 học viên là 2.657.100.000 đồng, số tiền này T3 đã chi sử dụng vào công tác đào tạo lái xe cho các học viên.

Để tránh sự phát hiện khi cơ quan quản lý nhà nước đến kiểm tra, H đã chỉ đạo cấp dưới ký hợp thức hoàn thiện hồ sơ đào tạo lái xe đối với 08 người đứng tên là giáo viên dạy thực hành lái xe. H không trao đổi chỉ đạo trực tiếp cụ thể người nào làm, mà chỉ đạo chung đối với các phòng, khoa tại cuộc họp của trường với nội dung: “đề nghị các phòng, khoa kiểm tra rà soát hoàn thiện sổ sách giáo án cho đầy đủ để phục vụ khi có công tác thanh tra, kiểm tra”.

Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, các ông: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn T1, Nguyễn Tiến D1, Bùi Văn H5, Ngô Quang T2, Phạm Văn Q và Lê Văn H6 đều khai báo họ không ký Hợp đồng lao động và không phải là giáo viên của Trường T6.

Tại kết luận giám định số 3640/KL-KTHS ngày 10/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên 08 cá nhân: Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn T1, Nguyễn Tiến D1, Bùi Văn H5, Ngô Quang T2, Phạm Văn Q và Lê Văn H6 (trên các tài liệu sổ giáo án thực hành, Sổ theo dõi thực hành lái xe ô tô, Biên bản kiểm tra ghép xe vào nơi đỗ) so với chữ viết, chữ ký của 08 cá nhân ở mẫu so sánh (tương ứng) không phải do họ viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại Trường T6: 01 máy tính để bàn nhãn hiệu XIGMATEK. Đối với một số cán bộ, nhân viên nhà trường như Trần Thị D2, Lê Công T5, Chu Đình T4 và một số cá nhân khác cơ quan điều tra đã kiến nghị xử lý vi phạm hành chính.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-P3 ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Thị Hương, Phạm Văn Hồng và Ngô Văn G về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 11/4/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G phạm tội “Giả mạo trong công tác”;

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 359; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với các bị cáo); điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H); khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H1 và G); điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH3 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử phạt:

Bị cáo Lê Thị H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Phạm Văn H1 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Ngô Văn G 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1, Ngô Văn G đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc liên quan đến đào tạo nghề lái xe trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền

kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2025, các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G giữ nguyên nội dung kháng cáo và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo cung cấp thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm thể hiện: căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quy kết các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G phạm tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo và giảm hình phạt cho mỗi bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm đã thể hiện rõ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Do có mục đích muốn đào tạo thêm hạng xe B1 số tự động, đủ điều kiện mở lớp đào tạo, sát hạch lái xe đối với số lượng học viên đến đăng ký học tại Trường T6, tăng thêm số lượng học viên học lái xe, tăng thêm nguồn thu cho trường, tạo công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho các giáo viên hiện có của trường. Từ năm 2021 đến đầu năm 2023, Lê Thị H là Hiệu trưởng Trường T6 đã chỉ đạo Phạm Văn H1 là Phó Hiệu trưởng, Ngô Văn G là Phó trưởng phòng đào tạo, lập các báo cáo đề nghị xin điều chỉnh hạng xe đào tạo và báo cáo đăng ký sát hạch lái xe. H

và H1 ký duyệt gửi Sở Giao thông vận tải. Trong các báo cáo này, ngoài số lượng giáo viên của trường, các bị cáo đã lập thêm 08 người không phải là giáo viên của trường, sau đó gửi đến Sở G1 để được cấp giấy phép đào tạo hạng xe B1 số tự động, B1, B2 và C và được duyệt. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bởi hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này, bị cáo H giữ vai trò là người khởi xướng, chỉ đạo các bị cáo H1, G thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, H trực tiếp ký duyệt và Báo cáo đề nghị xin điều chỉnh hạng xe đào tạo số 246/BC-TCNHĐ ngày 04/8/2021, 08 báo cáo đăng ký sát hạch lái xe có nội dung bị làm sai lệch, nên H giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. H1 giữ vai trò là người giúp sức tích cực, trực tiếp soạn thảo báo cáo đề nghị xin điều chỉnh hạng xe đào tạo, ký 23 báo cáo đăng ký sát hạch lái xe có nội dung bị làm sai lệch, nên H1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Giáp trực tiếp soạn thảo 31 báo cáo đăng ký sát hạch lái xe có nội dung bị làm sai lệch, nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

Đối với một số cá nhân, nhân viên nhà trường như Trần Thị D2, Lê Công T5, Chu Đình T4 và một số cá nhân khác là những người làm thuê cho doanh nghiệp, hành vi vi phạm có mức độ cơ quan điều tra đã kiến nghị xử lý vi phạm hành chính là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Thị H năm 2013 được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen, năm 2015 được Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Thiệu Hóa tặng Giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Văn H1 và Ngô Văn G quá trình công tác được tặng nhiều Giấy khen của Tổng Công ty cổ phần X, Trường T6. Gia đình bị cáo H1 có công với cách mạng, có bố đẻ là bệnh binh, bị cáo nhiều lần tham gia hiến máu nhân đạo. Quá trình sinh sống các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, nghĩa vụ công dân tại địa phương, tích cực ủng hộ các quỹ từ thiện như quỹ xây dựng nhà ở, ủng hộ hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa

phương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới, cụ thể:

Bị cáo Lê Thị H xuất trình tài liệu thể hiện có bố đẻ là thương binh 4/4; Thư cảm ơn của Hội liên hiệp phụ nữ xã T trong phong trào cả nước chung tay vì người nghèo; Thư cảm ơn của Mặt trận tổ quốc huyện T về việc bị cáo ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão Y gây ra với số tiền 15 triệu và ủng hộ cuộc vận động làm nhà ở cho hộ nghèo.

Bị cáo Ngô Văn G xuất trình Giấy chứng nhận hiến máu tình nguyện; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ, bố mẹ già yếu và bị bệnh; tài liệu thể hiện quá trình học tập được trường Đại học S tặng giấy khen.

Bị cáo Phạm Văn H1 xuất trình xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính, vợ bị cáo không có công ăn việc làm, có con nhỏ, bố mẹ già yếu; Ngoài ra, bị cáo có đơn trình bày bố đẻ là bệnh binh mất 61% sức lao động, được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng H7, Huy chương hạng nhất, nhì, ba có xác nhận của chính quyền địa phương; Giấy chứng nhận đạt giải khuyến khích hội thi tay lái vàng do Honda tổ chức; con gái bị cáo bị xuất huyết não liệt nửa người.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, quá trình công tác và sinh sống tại địa phương, các bị cáo đều chưa có sai phạm và có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển của địa phương, của doanh nghiệp; bị cáo Lê Thị H năm 2013 được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng Bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Văn H1 sinh ra trong gia đình có nhiều đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đánh giá tổng thể các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết như nêu trên, việc xét xử các bị cáo bằng một bản án hình sự đã là một hình phạt nghiêm khắc đối với bản thân các bị cáo. Do đó, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, mức độ nguy hiểm cho xã hội, thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo, áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G, thể hiện sự khoan hồng nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Do vậy, đối với kháng cáo đề nghị hưởng án treo của các bị cáo không được chấp nhận.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa có căn cứ và được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH3 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 359; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 359; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 359; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn G 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1, Ngô Văn G đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc liên quan đến đào tạo nghề lái xe trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn H1 và Ngô Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực